

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ KỸ THUẬT
NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo Quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 09 tháng 5 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động chính của Công ty trong năm là quản lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Việt Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Trương Thị Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 9 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	Ngày 26 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:
Ông Nguyễn Trọng Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Bà Võ Thị Hồng Thắm – Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Võ Thị Hồng Thắm

Ngày 20 tháng 8 năm 2024

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 2.0515/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận kiểm toán

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

00
CỘ
CỘ
TƯ
IG
CÁN
EU

22 - C
H
U HAN
U VẤN
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		883.484.409.778	1.175.210.183.497
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	705.025.044	657.485.409
1. Tiền	111		705.025.044	657.485.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.134.083.333	311.877.291.666
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	6.125.000.000	6.125.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(4.090.916.667)	(5.347.708.334)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.100.000.000	311.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		863.480.761.355	847.723.516.558
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.340.948.674	14.281.548.674
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.305.715.631	6.307.715.631
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	46.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	820.921.361.355	851.221.516.558
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(24.087.264.305)	(24.087.264.305)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.164.540.046	14.951.889.864
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.727.507	6.317.832
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.049.479.749	14.945.572.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	61.332.790	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.356.048.956.479	1.353.672.216.471
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.174.488.531	6.379.488.546
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	563.694.448	768.694.463
<i>Nguyên giá</i>	222		19.205.544.263	19.205.544.263
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.641.849.815)	(18.436.849.800)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.610.794.083	5.610.794.083
<i>Nguyên giá</i>	228		5.610.794.083	5.610.794.083
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	71.280.104.730	71.280.104.730
<i>Nguyên giá</i>	231		77.467.647.516	77.467.647.516
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.187.542.786)	(6.187.542.786)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.278.589.465.503	1.276.008.983.068
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	1.353.182.509.962	1.353.182.509.962
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(74.593.044.459)	(77.173.526.894)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.897.715	3.640.127
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	4.897.715	3.640.127
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.239.533.366.257	2.528.882.399.968

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.255.532.164	320.339.420.744
I. Nợ ngắn hạn	310		14.255.532.164	320.339.420.744
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.434.575.145	7.122.842.595
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		47.067.013	47.067.013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.214.858.956	10.600.158.209
4. Phải trả người lao động	314		94.503.252	88.086.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	287.412.329
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	197.413.544	196.740.344
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	299.730.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.267.114.254	2.267.114.254
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.225.277.834.093	2.208.542.979.224
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	2.225.277.834.093	2.208.542.979.224
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.968.589.250.000	1.968.589.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.968.589.250.000	1.968.589.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.788.854.106	36.788.854.106
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.350.353.698	2.350.353.698
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500	127.728.500
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		217.421.647.789	200.686.792.920
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		200.686.792.920	158.393.845.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.734.854.869	42.292.947.549
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.239.533.366.257	2.528.882.399.968

Người lập biểu

Lê Thị Thương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thương

Lập, ngày 20 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

Võ Thị Hồng Thắm



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54.000.000	120.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.000.000	120.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.000.000	120.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	22.031.556.752	25.086.798.184
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(1.665.565.885)	(535.602.023)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.870.106.849	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	2.805.497.220	(10.898.209.079)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.945.625.417	36.640.609.286
11. Thu nhập khác	31		-	556.249.315
12. Chi phí khác	32		-	1.019.169
13. Lợi nhuận khác	40		-	555.230.146
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.945.625.417	37.195.839.432
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	4.210.770.548	7.501.471.286
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.734.854.869	29.694.368.146
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.5	-	-

Người lập biểu

Lê Thị Thương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thương

Lập, ngày 20 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

Võ Thị Hồng Thắm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.945.625.417	37.195.839.432
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	205.000.015	474.789.420
- Các khoản dự phòng	03		(3.837.274.102)	(14.871.137.521)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	301.599.871	274.711.077
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.2	(2.754.784.070)	(118.841.407)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	1.870.106.849	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.730.273.980	22.955.361.001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.015.919.084	27.478.395.122
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16.411.304	(48.183.067.112)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(48.667.263)	(1.795.434)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.157.519.178)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(10.595.390.653)	(2.662.082.036)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.961.027.274	(414.188.459)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		309.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.816.379.682	70.244.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		279.816.379.682	70.244.145

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.14	(299.730.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(299.730.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	47.406.956	(343.944.314)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	657.485.409	565.976.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	132.679	86.591
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	705.025.044	222.119.202

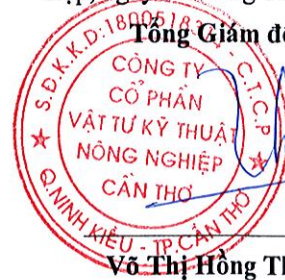
Người lập biểu

Lê Thị Thương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thương

Lập, ngày 20 tháng 8 năm 2024



Võ Thị Hồng Thắm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là quản lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận trong kỳ của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động tài chính (xem thêm thuyết minh VI.3).

6. Cấu trúc Công ty

6a. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (“WFC”) ⁽ⁱ⁾	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Chế biến, nhập xuất khẩu nông sản	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hạt giống	57,63%	57,63%	57,63%
Công ty Cổ phần FIT Consumer (“FC”) ⁽ⁱⁱ⁾	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hàng tiêu dùng	72,84%	79,11%	83,73%
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh hạt giống	77,67%	77,67%	77,67%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong WFC ít hơn 50% nhưng Công ty vẫn có 3/5 thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty này và có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. Do vậy WFC bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào WFC được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

⁽ⁱⁱ⁾ Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tại FC bao gồm cả tỷ lệ nắm giữ gián tiếp tại Công ty Cổ phần Hạt giống TSC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 785 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại Hà Nội	Tầng 5, tòa Times Tower – HACC 1 Complex Building, số 35 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

6b. Cấu trúc Nhóm Công ty

Ngoài các Công ty con cấp 1 đã nêu ở mục 6a, Nhóm Công ty còn bao gồm các công ty con cấp 2 và công ty liên kết của Công ty con, như sau:

Các Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang ⁽ⁱⁱ⁾	KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Chế biến nông sản	98,00%	45,00%	100%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đồ uống không cồn và kinh doanh dịch vụ	95,53%	75,58%	95,53%

⁽ⁱⁱ⁾ Là công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Là công ty con của Công ty Cổ phần FIT Consumer

Công ty liên kết

Công ty liên kết của công ty con là Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần FIT Consumer) có trụ sở chính tại 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là nhập khẩu và phân phối hàng tiêu dùng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 49,00%, tỷ lệ lợi ích là 38,77%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ. Công cụ dụng cụ đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16
Máy móc và thiết bị	03 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.755.506	143.796
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	698.269.538	657.341.613
Cộng	705.025.044	657.485.409

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu sàn UPCOM	6.125.000.000	(4.090.916.667)	6.125.000.000	(5.347.708.334)

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết sàn UPCOM tại ngày 30/6/2024 là 2.034.083.333 VND (số đầu năm: 777.291.666 VND), được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.347.708.334	5.418.875.000
Hoàn nhập dự phòng	(1.256.791.667)	(56.875.000)
Số cuối kỳ	4.090.916.667	5.362.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%-5,2%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

Công ty dùng khoản tiền gửi có giá trị ghi sổ 2.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Today Cosmetics (bên liên quan) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.353.182.509.962	(74.593.815.043)	1.353.182.509.962	(77.173.526.894)
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây ⁽ⁱ⁾	140.028.009.962	-	140.028.009.962	-
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC ⁽ⁱⁱ⁾	109.500.000.000	-	109.500.000.000	(408.637.083)
Công ty Cổ phần FIT Consumer ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.063.537.500.000	(54.804.599.469)	1.063.537.500.000	(56.924.747.363)
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín ^(iv)	40.117.000.000	(19.788.444.990)	40.117.000.000	(19.840.142.448)
Cộng	1.353.182.509.962	(74.593.044.459)	1.353.182.509.962	(77.173.526.894)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800512175 ngày 27 tháng 7 năm 2015, thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây có vốn điều lệ là 302.467.400.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 13.611.033 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây, chiếm 45% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801361391 ngày 08 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty Cổ phần Hạt giống TSC có vốn điều lệ là 190.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 10.950.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hạt giống TSC, chiếm 57,63% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313522734 ngày 06 tháng 11 năm 2015, thay đổi lần thứ 12 ngày 22 tháng 03 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty Cổ phần FIT Consumer ("FIT Consumer") có vốn điều lệ là 1.460.037.500.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 106.353.750 cổ phiếu Công ty Cổ phần FIT Consumer, chiếm 72,84% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901167137 ngày 12 tháng 7 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín có vốn điều lệ là 30.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 2.330.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín, chiếm 77,67% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	77.173.526.894	78.368.765.406
Hoàn nhập dự phòng	(2.580.482.435)	(797.996.061)
Số cuối kỳ	74.593.044.459	77.570.769.345

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây		
Doanh thu cho thuê tài sản	54.000.000	120.000.000
Lãi cho vay	271.397.260	-
Chuyển tiền cho vay	46.000.000.000	-
<i>Trong đó: Cho vay có thời hạn 01 tháng</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>-</i>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	59.400.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	59.400.000	-
Phải thu khách hàng về các khoản khác	14.281.548.674	14.281.548.674
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	3.508.884.959
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.520.000.000
Hợp tác xã Chuyên nghiệp Nông nghiệp Quảng thuận TP Bằng Tường	2.221.336.203	2.221.336.203
Công ty TNHH Mậu Dịch XNK Thiên Thiên Malipo	3.009.822.172	3.009.822.172
Các khách hàng khác	2.021.505.340	2.021.505.340
Cộng	14.340.948.674	14.281.548.674

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản trả trước này được đánh giá không có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng 100% (xem thuyết minh V.6).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	2.640.025.020
Công ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	1.777.799.211
DNTN Hồng Phượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	887.891.400	889.891.400
Cộng	6.305.715.631	6.307.715.631

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con) vay theo hợp đồng số 01-24052024/HDVV/TSC-WFC ngày 24/05/2024 và hợp đồng số 01-25052024/HDVV/TSC-WFC ngày 25/06/2024 với lãi suất 6,5%/năm, thời hạn vay lần lượt là 12 tháng và 1 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan ⁽ⁱ⁾	175.859.911.612		- 124.276.466.166	
Hợp tác đầu tư	168.582.000.000		- 118.582.000.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	49.172.000.000		- 49.172.000.000	
Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản F.I.T	63.800.000.000		- 13.800.000.000	
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	7.600.000.000		- 7.600.000.000	
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	48.010.000.000		- 48.010.000.000	
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.006.514.352		- 5.694.466.166	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	2.002.307.501		- 2.696.942.462	
Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản F.I.T	48.723.291		- 424.208.221	
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	752.054.794		- 467.835.616	
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	4.203.428.766		- 2.105.479.867	
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây - Lãi cho vay	271.397.260		-	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	645.061.449.743	(3.500.000.000)	726.945.050.392	(3.500.000.000)
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	75.000.000		- 75.000.000	
Tạm ứng	1.588.584		- 1.588.584	
Hợp tác đầu tư ⁽ⁱⁱ⁾	632.037.000.000		- 696.950.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	323.587.000.000		- 402.200.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	236.450.000.000		- 222.750.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	72.000.000.000		- 72.000.000.000	
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	9.342.447.018		- 18.980.054.795	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	5.157.716.055		- 6.768.427.396	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	4.184.730.963		- 12.211.627.399	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	97.446.578		- 7.430.439.450	
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.967.563		- 7.967.563	
Cộng	820.921.361.355	(3.500.000.000)	851.221.516.558	(3.500.000.000)

⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 5,1% - 10,5%/năm.

⁽ⁱⁱ⁾ Các khoản hợp tác với các tổ chức khác bao gồm:

- Hợp tác có thời hạn hợp tác 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận từ 4,9% - 6%/năm. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất của các bên nhận hợp tác.
- Hợp tác đầu tư không có thời hạn với các bên nhằm mục đích đầu tư bất động sản. Lợi nhuận từ việc đầu tư này được phân chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các hợp đồng từ 94,52% đến 95%. Hồ sơ liên quan đến các bất động sản hợp tác đầu tư như Hợp đồng chuyển nhượng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... do Công ty nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Từ sau ngày kết thúc năm tài chính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi thêm gốc và lợi nhuận phát sinh liên quan đến số dư tại ngày 30/06/2024 của các hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền lần lượt là 3.4000.000.000 VND và 0 VND.

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	14.281.548.674	(14.281.548.674)	14.281.548.674	(14.281.548.674)
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	(3.520.000.000)	3.520.000.000	(3.520.000.000)
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	(3.508.884.959)	3.508.884.959	(3.508.884.959)
Hợp tác xã chuyên nghiệp nông nghiệp quảng thuận TP Bằng Tường	2.221.336.203	(2.221.336.203)	2.221.336.203	(2.221.336.203)
Công ty Hữu Hạn Mậu Dịch XNK Thiên Thiên Malipo	3.009.822.172	(3.009.822.172)	3.009.822.172	(3.009.822.172)
Các khách hàng khác	2.021.505.340	(2.021.505.340)	2.021.505.340	(2.021.505.340)
Trả trước cho người bán	6.305.715.631	(6.305.715.631)	6.305.715.631	(6.305.715.631)
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	(2.640.025.020)	2.640.025.020	(2.640.025.020)
Công ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	(1.777.799.211)	1.777.799.211	(1.777.799.211)
Các nhà cung cấp khác	1.887.891.400	(1.887.891.400)	1.887.891.400	(1.887.891.400)
Phải thu khác	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Cộng	24.087.264.305	(24.087.264.305)	24.087.264.305	(24.087.264.305)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	24.087.264.305	34.741.209.976
Hoàn nhập dự phòng	-	(14.016.266.460)
Số cuối kỳ	24.087.264.305	20.724.943.516

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.239.337.740	966.206.523	19.205.544.263
Số cuối kỳ	18.239.337.740	966.206.523	19.205.544.263
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.589.337.740	966.206.523	18.555.544.263
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	17.470.643.277	966.206.523	18.436.849.800
Khấu hao trong kỳ	205.000.015	-	205.000.015
Số cuối kỳ	17.675.643.292	966.206.523	18.641.849.815
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	768.694.463	-	768.694.463
Số cuối kỳ	563.694.448	-	563.694.448

Một số tài sản cố định hữu hình đã hết giá trị ghi sổ thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho hạn mức tín dụng của Công ty tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sở hữu và sử dụng lô đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

10. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.280.104.730	6.187.542.786	77.467.647.516
Số cuối kỳ	71.280.104.730	6.187.542.786	77.467.647.516
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Số cuối kỳ	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.280.104.730	-	71.280.104.730
Số cuối kỳ	71.280.104.730	-	71.280.104.730

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng	6.187.542.786	6.187.542.786	-
Đất Cái Sơn Hàng Bàng - Phường An Bình	1.389.654.116	-	1.389.654.116
Đất nông nghiệp - Phường An Bình	5.863.335.957	-	5.863.335.957
Đất trồng lúa tại Hậu Giang - 11 miếng	2.478.114.657	-	2.478.114.657
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	36.919.000.000	-	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	24.630.000.000	-	24.630.000.000
Cộng	77.467.647.516	6.187.542.786	71.280.104.730

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	7.230.511.050	6.928.778.500
Các nhà cung cấp khác	204.064.095	194.064.095
Cộng	7.434.575.145	7.122.842.595

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.595.390.653	4.210.770.548	(10.595.390.653)	4.210.770.548	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.767.556	25.961.330	(26.640.478)	4.088.408	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	88.055.866	(149.388.656)	-	61.332.790
Lệ phí môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	10.600.158.209	4.329.787.744	(10.776.419.787)	4.214.858.956	61.332.790

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.945.625.417	37.195.839.432
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	108.227.321	381.516.996
- Các khoản điều chỉnh tăng	108.360.000	381.516.996
<i>Lỗ CLTG đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	-	261.937.827
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	108.360.000	119.579.169
- Các khoản điều chỉnh giảm	(132.679)	-
Thu nhập chịu thuế	21.053.852.738	37.577.356.428
Thu nhập được miễn thuế	-	(70.000.000)
Thu nhập tính thuế	21.053.852.738	37.507.356.428
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.210.770.548	7.501.471.286

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê
- Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	322.400 đồng/m ²
- Hậu Giang, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	145.600; 114.660 đồng/m ²
- Võ Tánh, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	23.654; 59.136 đồng/m ²
- Lý Thường Kiệt, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	76.032 đồng/m ²
- 33B CMT8, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	395.200 đồng/m ²

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>197.413.544</u>	<u>196.740.344</u>
Kinh phí công đoàn	53.981.161	53.307.961
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>143.432.383</u>	<u>143.432.383</u>
Cộng	<u>197.413.544</u>	<u>196.740.344</u>

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 1608/2023-HĐCVLT/NHCT320-TSC-HOASEN ngày 16/08/2023 với kỳ hạn 6 tháng. Hạn mức 299.730.000.000 đồng, lãi suất 5%/ năm. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-15082023/HTKD/TSC-HS ngày 15/08/2023. Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có tổng giá trị 309.000.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	299.730.000.000
Số tiền vay đã trả	<u>(299.730.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	1.968.589.250.000	36.788.854.106	2.350.353.698	127.728.500	158.393.845.371	2.166.250.031.675
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	29.694.368.146	29.694.368.146
Số dư cuối kỳ trước	1.968.589.250.000	36.788.854.106	2.350.353.698	127.728.500	188.088.213.517	2.195.944.399.821
Số dư đầu năm nay	1.968.589.250.000	36.788.854.106	2.350.353.698	127.728.500	200.686.792.920	2.208.542.979.224
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	16.734.854.869	16.734.854.869
Số dư cuối kỳ này	1.968.589.250.000	36.788.854.106	2.350.353.698	127.728.500	217.421.647.789	2.225.277.834.093

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	808.572.230.000	808.572.230.000
Cổ đông khác	1.160.017.020.000	1.160.017.020.000
Cộng	1.968.589.250.000	1.968.589.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	196.858.925	196.858.925
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	196.858.925	196.858.925
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	196.858.925	196.858.925

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ
Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	110,90	144,05
Euro (EUR)	90,89	108,62

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	54.000.000	120.000.000

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.483.386.810	48.841.407
Lãi cho vay	271.397.260	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	47.340	10.276
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	19.276.725.342	19.678.067.049
Lãi từ hợp đồng ủy thác	-	5.289.879.452
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	70.000.000
Cộng	<u>22.031.556.752</u>	<u>25.086.798.184</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.870.106.849	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.497	22.344
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	301.599.871	274.711.077
Chi phí hợp tác đầu tư	-	44.535.617
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(3.837.274.102)	(854.871.061)
Cộng	(1.665.565.885)	(535.602.023)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	338.660.404	381.185.919
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.952	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.000.015	474.789.420
Thuế, phí và lệ phí	146.741.759	146.741.759
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(14.016.266.460)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.048.772.090	2.044.989.824
Các chi phí khác	66.176.000	70.350.459
Cộng	2.805.497.220	(10.898.209.079)

5. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	338.660.404	381.185.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.000.015	474.789.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.048.919.042	2.044.989.824
Chi phí khác	212.917.759	217.092.218
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(14.016.266.460)
Cộng	2.805.497.220	(10.898.209.079)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Chủ tịch HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Việt Cường	Thành viên HĐQT(từ 25/04/2024)	-	6.600.000	6.600.000
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên độc lập HĐQT (từ 25/04/2024)	-	6.600.000	6.600.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	33.333.336	18.000.000	51.333.336
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT (đến 25/04/2024)	-	11.400.000	11.400.000
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT (đến 25/04/2024)	-	11.400.000	11.400.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên BKS	-	9.000.000	9.000.000
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên BKS (từ ngày 25/04/2024)	-	5.700.000	5.700.000
Bà Trương Thị Vân	Thành viên BKS (đến 25/04/2024)	-	3.300.000	3.300.000
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	72.000.000	-	72.000.000
Cộng		105.333.336	126.000.000	231.333.336

Kỳ trước

Ông Nguyễn Trọng Thanh	Chủ tịch HĐQT (từ 18/4/2023)	-	20.433.333	20.433.333
Bà Nguyễn Thị Hoài	Chủ tịch HĐQT (đến 17/4/2023)	-	14.266.667	14.266.667
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc	33.333.336	7.300.000	40.633.336
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên BKS	-	9.000.000	9.000.000
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên BKS	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	72.000.000	-	72.000.000
Cộng		105.333.336	126.000.000	231.333.336

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty con cấp 1
Công ty cổ phần giống cây trồng Nông Tín	Công ty con cấp 1
Công ty cổ phần hạt giống TSC	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty con cấp 2
Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Liên Kết Truyền Thông	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Xanh Goda	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tổng hợp Sông Hồng	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Falcon Đồng Trúc	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Liên Hợp Thực Phẩm	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Today Cosmetics	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Cùng chung công ty mẹ
Công ty cổ phần dược phẩm Benovas	Cùng chung công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung công ty mẹ
Công ty cổ phần đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Cùng chung công ty mẹ
Công ty cổ phần thuốc Ung thư Benovas	Cùng chung công ty mẹ
Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Liên doanh SX Kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte	Cùng chung công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng hóa	9.206.022	6.558.960
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	284.219.178	282.657.534
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Chi phí thuê văn phòng, gửi xe, điện nước	161.458.492	160.802.797
Chi phí tư vấn	1.642.619.118	1.686.247.438
Công ty Cổ phần Today Cosmetics		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	2.097.948.899	1.810.544.998

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	454.783.563	6.805.479
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	-	44.535.617
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	1.471.118.464	3.209.437.809

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.6.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và kinh doanh thương mại, trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Thương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thương

Tổng Giám đốc



Võ Thị Hồng Thắm